**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN B**
**TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:104/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vũ Văn Nga

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà: Hà Thị Tâm

2. Bà: Trương Thị Quý

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa*:

Ông: Hà Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị D, sinh năm: 1996

Trú tại: Thôn H, xã Kỳ T, huyện B, Thanh Hóa

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm: 1994

HKTT: Thôn H, xã Kỳ T, huyện B, Thanh Hóa

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Trại giam số …, phân trại … - Bộ Công an

Địa chỉ: Xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Có bản trình bày xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2021, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị D trình bày: Chị và anh T tìm hiểu trong thời gian ngắn, gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện B, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/02/2015. Hôn nhân tự nguyện, quá trình chung sống anh T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối

với chị, nhưng vì con nhỏ nên chị nhẫn nhịn chịu đựng, mâu thuẫn gay gắt nên từ tết âm lịch năm 2020 chị đã ly thân với anh T, quá trình ly thân không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Đầu năm 2021 anh T phạm tội bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", hiện nay anh T đang chấp hành án tại trại giam số …, phân trại …-Bộ công an. Nay bản thân không còn tình cảm với anh T nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị Phương T, sinh ngày 15/8/2014 và Hà Du T, sinh ngày 05/10/2015. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu, do anh T đang chấp hành án trong trại giam nên ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn T đang chấp hành án tại Trại giam số .., tổng cục ….-Bộ công an có trụ sở đóng tại: xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Sau khi thụ lý vụ án, ngày 22/02/2022 Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An thu thập chứng cứ. Ngày 26/5/2022, tại bản tự khai anh T trình bày: Anh và chị D kết hôn ngày 04/02/2015 tại UBND xã K, huyện B, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Nay chị D xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị Phương T, sinh ngày 15/8/2014 và Hà Du T, sinh ngày: 05/10/2015. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh đang chấp hành án phạt tù nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T cũng đã trình bày quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa cho công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn và toàn bộ các tài liệu chứng cứ thu thập của bị đơn có trong hồ sơ và căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 BLTTDS. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị D, xử cho chị Hà Thị D được ly hôn anh Hà Văn T.

Về con chung: Giao 02 con chung là Hà Thị Phương T, sinh ngày 15/8/2014 và Hà Du T, sinh ngày: 05/10/2015 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ tuổi

trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi hết hạn tù, anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Không có.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị D và anh T đều có hộ khẩu ở xã K, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn cũng trình bày quan điểm xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/02/2015tại UBND xã K, huyện B, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do anh Tcó hành vi bạo lực gia đình với chị D, mâu thuẫn gay gắt nên từ tết âm lịch 2020 vợ chồng đã ly thân, đến năm 2021 anh T phải chấp hành án phạt tù, bản thân chị D không còn tình cảm nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh Thân cũng đồng ý ly hôn với chị D.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có một thời gian ly thân nay hai bên tự nguyện ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị D được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị Phương T, sinh ngày 15/8/2014 và Hà Du T, sinh ngày: 05/10/2015. Ly hôn cả chị D và anh T đều có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của những người làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù trong trại giam, vì vậy cần giao cả 02 con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên là phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không đề nghị tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 266, 273, 275 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị D được ly hôn anh Hà Văn T.

Về con chung: Giáo 02 con chung là cháu Hà Thị Phương To, sinh ngày 15/8/2014 và Hà Du T, sinh ngày: 05/10/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. AnhT không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi hết hạn tù, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không đề nghị tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số: AA/2021/00084509 ngày 27/12/2021. Chị D đã nộp đủ án phí

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sư, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Nga**